

Bản án số: 39/2024/HS-ST  
Ngày: 02-8-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Phong.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Lâm.
- Bà Trần Thị Kim Đồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phong Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Tấn L**, sinh ngày 04/3/2003 tại tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm hồ; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị C; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Minh N1, sinh năm 1996 “có mặt”.

Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 “có mặt”.
- Chị Trần Thị Tuyết T1, sinh năm 1980 “vắng mặt”.

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1983 “vắng mặt”.

Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Cao Văn N2, sinh năm 1987 “có mặt”.

Nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986 “vắng mặt”.

Nơi cư trú: ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 18/01/2024, Nguyễn Tấn L, trú tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến chòi giữ vườn của Nguyễn Văn T2, ở ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (là bạn của L) để chơi, khoảng 23 giờ cùng ngày thì có bạn của T2 là Nguyễn Minh N1, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 đến chơi. Khoảng 00 giờ ngày 19/01/2024 T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 đưa L về nhà rồi quay trở lại chòi của T2 ngủ.

Khoảng 02 giờ ngày 19/01/2024, bạn của L tên K2 ở khu vực gần cầu Rạch Lá, thuộc huyện E, tỉnh Vĩnh Long (L không nhớ rõ địa chỉ cụ thể) gọi điện rủ L đến nhà K2 chơi. Do L không có phương tiện để đi nên nảy sinh ý định quay lại chòi giữ vườn của T2 để lấy trộm xe của N1 để làm phương tiện đi đến nhà của K2. L đi bộ đến chòi của T2 cách nhà L khoảng 02km, lúc này trong chòi có mở đèn nên L thấy N1 nằm ngủ trên võng bên ngoài, T2 nằm trên giường bên trong, xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 đậu ở bên hông trái còn gắn chìa khóa, cửa rào không đóng nên L đi vào bên trong lén lút dẫn xe ra đến lộ nhựa khởi động xe chạy theo hướng ra Quốc lộ đến nhà K2 chơi. Đến sáng cùng ngày anh N1 phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 bị mất thì tự đi tìm nhưng không gặp, sau đó trình báo với Công an xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi trộm xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69, L sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến ngày 27/01/2024, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 gửi tại quán nước giải khát của anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 và chị Trần Thị Tuyết T1, sinh năm 1980, cùng trú tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để đến ngã ba đầu lộ N gần đó đón xe khách Thanh Y (chạy tuyến Bình Dương về Tích Thiện) nhận xe mô tô nhãn hiệu Exciter (không rõ biển kiểm soát) giúp cho K2 rồi L đi làm thuê và bỏ luôn xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 tại nhà chị T1.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 01/KLHD-ĐGTS ngày 28/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu DAYANG, loại DY100, màu xanh, biển kiểm soát 64B1-664.69 trị giá đến ngày 19/01/2024 là 2.600.000đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Tấn L không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của đối tượng K2 nên Cơ quan điều tra không xác minh làm việc với K2 được. Anh Nguyễn Văn H2 và chị Trần Thị Tuyết T1 có cho Nguyễn Tấn L gửi nhờ xe mô tô biển kiểm soát 64B1-664.69 nhưng không biết đây là tài sản do L trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu DAYANG, loại DY100, màu xanh, biển kiểm soát 64B1-664.69 do chị Trần Thị Tuyết T1 giao nộp. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho Nguyễn Minh N1.

- Về phần dân sự: Bị cáo Nguyễn Tấn L đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Minh N1 số tiền 1.300.000đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) để sửa xe, anh N1 đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 50/CT-VKSTÔ ngày 13/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự : Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, có thái độ ăn năn hối cải.

Bị hại đã nhận lại được tài sản và tiền bồi thường là 1.300.000đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) từ bị cáo để sửa xe, không yêu cầu gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố

tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người tham gia tố tụng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T1, anh K1 và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt những người trên của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập, qua đó xác định: Khoảng 02 giờ ngày 19/01/2024 tại ấp D, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Tấn L có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu DAYANG, loại DY100, màu xanh, biển kiểm soát 64B1-664.69 trị giá 2.600.000đồng (*Hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) của Nguyễn Minh N1 nhằm mục đích làm phương tiện đi lại nên có căn cứ xác định Nguyễn Tấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo lợi dụng lúc anh Nguyễn Minh N1 ngủ say, lén lút dẫn xe của anh N1 nhằm mục đích sử dụng cho riêng bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được việc lén lút lấy tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, chứng tỏ bị cáo xem thường sự trừng trị của pháp luật. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không chấp hành theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, gây khó khăn cho hoạt động tố tụng. Chính vì vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian như Kiểm sát viên đã đề nghị mới thể hiện tính răn đe của pháp luật và tính phòng ngừa các trường hợp tương tự xảy ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã khắc phục thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tài sản lấy trộm giá trị thấp, bị hại cũng đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự cho bị cáo nên xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định thấy cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và đã được bồi thường xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng không yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu là hợp pháp nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 04 (Bốn) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 23/5/2024.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn L nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh N2, anh H2 có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị T1, anh K1 vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Sở Tư pháp: 01;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh VL;
- VKSND huyện Trà Ôn: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- CA huyện Trà Ôn: 02;
- THA huyện Trà Ôn: 01;
- UBND xã V: 01;
- Bị cáo: 01;
- Bị hại: 01;
- NLQ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hồ Hoàng Phong**